

Bản án số: 11/2021/HS-PT
Ngày 28-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đặng Phi Long

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân và ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Lý Văn C và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn N, Triệu Phúc K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lý Văn C (Tên gọi khác: Lý Văn H) - Sinh ngày 29/11/1984 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Con ông Lý Thừa B, sinh năm 1942 và bà Phàn Thị M, sinh năm 1950. Bị cáo có vợ là Đặng Thị L, sinh năm 1983 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Lý Văn N (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 24/8/1989 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Con ông Lý Văn S, sinh năm 1962 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1968. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1990 và có hai con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Triệu Phúc K (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 22/01/1966 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 6/10; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Con ông Triệu Tài T2 (đã chết) và bà Phan Thị P (đã chết). Bị cáo có vợ là Lý Thị P1, sinh năm 1972 và có hai con, lớn N sinh năm 1990, nhỏ N sinh năm 1992.

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo Nguyễn Đức T, Trần Thị T, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Đình D, Lý Văn L, Lý Văn P, Hoàng Văn H, Triệu Thị M, Hoàng Thị T, Lý Văn L, Triệu Văn Đ, Hà Thị G, Nguyễn Đức T, PH Văn Nh, PH Văn C và PH Văn S không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 07/8/2020, Lý Văn C ngồi ăn cơm tại nhà ông Lý Văn Sửu, đến khoảng hơn 20 giờ thì Triệu Phúc K gọi điện thoại cho C để hỏi xem có chỗ nào đánh bạc không để tham gia nhưng C không nghe điện thoại. Đến 20 giờ 33 phút, Lý Văn C gọi điện thoại lại cho K, bảo K rủ người lên nhà C đánh bạc. K đồng ý. Sau đó C gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Q bảo Q mang nước ngọt đến nhà bán cho C. C tiếp tục gọi điện thoại cho em trai Lý Văn Liều ở cạnh nhà C, rủ Liều sang đánh bạc. Liều không nói gì, tắt máy. Sau đó Lý Văn C gọi điện thoại cho Nguyễn Đình Dương hẹn Dương đến nhà C để C trả nợ, Dương đồng ý và đi đến nhà C.

Đến 21 giờ 24 phút ngày 07/8/2020, Nguyễn Đức T đang ngồi chơi ở nhà cùng Nguyễn Đức Tuấn thì nảy sinh ý định muốn đánh bạc nên đã gọi điện thoại cho Triệu Phúc K hỏi xem có chỗ nào đánh bạc không để tham gia. K bảo đến nhà C, nếu có đánh bạc thì tham gia. T đồng ý, tắt điện thoại sau đó rủ Tuấn đi cùng lên nhà C. Các bị cáo Hà Thị G, Trần Thị T1, Triệu Thị M, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Hoàng Thị T nghe nói ở nhà Lý Văn C có đánh bạc nên đã tự tìm đến nhà C. Đến nhà C, thấy có chiếu trải sẵn ở nền nhà và có một số bát, đĩa để sẵn ở cạnh chiếu, gần bàn uống nước nên T, Q, T1, T2, H, D, M, Gây, K, Tình, N rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa. Dương tự nhận cắt quân vị nên xuống bếp lấy dao và que đóm cắt làm 04 đoạn kích thước 1cm x 1cm, một mặt bôi nhọ nồi màu đen để làm quân vị, phục vụ cho việc đánh bạc. Khi việc đánh bạc đang diễn ra thì Lý Văn C đi về nhà thấy mọi người đang đánh bạc, C đồng ý cho mọi người tiếp tục đánh và hỏi vay 100.000đ của PH Văn Cau để tham gia

đánh bạc. Các bị cáo gồm Lý Văn P, PH Văn S, Triệu Văn Đ gọi điện thoại cho Triệu Phúc K và được K rủ vào nhà Lý Văn C đánh bạc. P và Đ tự đi một mình đến nhà C, còn S rủ thêm PH Văn C đến nhà C và cùng tham gia đánh bạc. Bị cáo PH Văn N, Lý Văn L, Lý Văn L tự đến nhà C và tham gia đánh bạc.

Trong quá trình đánh bạc, Nguyễn Thị Q cho Triệu Phúc K vay thêm 1.500.000đ, cho Lý Văn Phấu vay 2.000.000đ (*Q lấy lại trước 100.000đ tiền lãi*), cho Lý Văn N vay 4.000.000đ (*lấy lại trước 200.000đ tiền lãi*) để sử dụng đánh bạc. Các đối tượng Lý Văn S, Đặng Văn P, Lý Thị P1 (*là vợ của bị cáo Triệu Phúc K*) cũng đến địa điểm đánh bạc để chơi, tìm người thân và xem đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc.

Tại buổi đánh bạc, bị cáo Nguyễn Đức T là người xóc cái, bị cáo Trần Thị Tuyết là người quản lý bảng vị, bị cáo Nguyễn Đình D là người Chuẩn bị quân vị để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Thị Q tham gia đánh bạc và cho các bị cáo khác vay tiền để đánh bạc. Các bị cáo Lý Văn N, Lý Văn Li, Lý Văn P, Hoàng Văn H, Triệu Thị M, Hoàng Thị T, Lý Văn Lầu, Triệu Văn Đức, Hà Thị Gây, Nguyễn Đức T, PH Văn C, PH Văn S, PH Văn N đặt tiền, góp tiền và tham gia đánh bạc.

Các ván bạc cứ lần lượt như vậy diễn ra cho đến khi bị Công an bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 18.892.000 đồng, thu giữ trên nền nhà ngay sát chiếu bạc số tiền 18.300.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai mang theo số tiền và sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể như sau:

1. Bị cáo Lý Văn C là chủ nhà, rủ rê các bị cáo khác đến nhà mình để đánh bạc, đồng ý cho các bị cáo khác sử dụng địa điểm là nhà mình để đánh bạc. Bị cáo vay của PH Văn Cau 100.000đ sử dụng để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn - lẻ và bảng vị, khi thắng đã trả tiền vay nợ cho Cau, sau đó bị thua hết tiền.

2. Bị cáo Triệu Phúc K là người chủ động gọi Lý Văn C để tìm chỗ đánh bạc, lôi kéo các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc, sử dụng 4.000.000đ để đánh bạc bằng cách góp 2.000.000đ làm bảng vị với Trần Thị Tuyết, còn lại 2.000.000đ dùng để đánh bạc đặt tiền theo cửa chắn - lẻ và theo bảng vị. Khi bị bắt bị thu giữ trên người 3.700.000 đồng là tiền đang dùng để đánh bạc.

3. Bị cáo Nguyễn Đức T mang theo 1.400.000 đồng, là người xóc cái và bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn - lẻ, sau đó được bị cáo Triệu Văn Đức cho thêm 200.000 đồng dùng để đánh bạc và bị thua hết. Khi bị bắt thu giữ 900.000 đồng không dùng để đánh bạc.

4. Bị cáo Trần Thị T mang theo 3.250.000đ, sử dụng 2.000.000đ để góp bảng vị, là người lấy 04 quân tú lơ khơ để làm bảng vị và trực tiếp trông bảng vị để đánh bạc với những người khác. Cho Lý Văn L cầm cố điện thoại vay 1.000.000đ (*lấy lại 50.000 tiền lãi*) để Lầu trả tiền cá giống, sau đó Lầu dùng số

tiền này để đánh bạc. Khi bỏ chạy mang theo 300.000đ không sử dụng để đánh bạc.

5. Bị cáo Nguyễn Thị Q mang theo 15.500.000đ, góp Cng với Trần Thị Tuyết 2.000.000đ để làm bảng vị. Q cho Triệu Phúc K vay 3.500.000đ cho Hoàng Văn Hải vay 2.000.000đ, cho Hoàng Thị Tình vay 2.000.000đ, cho Lý Văn Phấu vay 2.000.000đ, cho Lý Văn N vay 4.000.000đ mục đích dùng để đánh bạc. Khi bỏ chạy đã mang theo 300.000đ là tiền cất lã khi cho Phấu và N vay. Bản thân đã tự nguyện nộp lại 300.000đ trên.

6. Bị cáo Nguyễn Đình Dương là người cất quân vị cho mọi người đánh bạc, sử dụng 500.000đ để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ và thua hết.

7. Bị cáo Lý Văn Liễu sử dụng 300.000đ đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ và theo bảng vị bị thua hết tiền.

8. Bị cáo Lý Văn N dùng 4.500.000đ (*gồm mang theo 700.000đ và vay thêm của Nguyễn Thị Q được 3.800.000đ*) để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ và theo bảng vị. Khi bị bắt đã bỏ hết tiền đang dùng để đánh bạc xuống chiếu và bỏ chạy.

9. Bị cáo Lý Văn Phấu vay Nguyễn Thị Q 2.000.000đ sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt thu giữ trên người 2.650.000đ là tiền đang dùng để đánh bạc.

10. Bị cáo Hoàng Văn Hải mang theo 500.000đ sử dụng để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ và theo bảng vị bị thua hết. Vay thêm Nguyễn Thị Q 2.000.000đ để góp bảng vị Cng với Trần Thị Tuyết.

11. Bị cáo Triệu Thị Máy mang theo 2.000.000đ, sử dụng góp Cng làm bảng vị với Trần Thị Tuyết.

12. Bị cáo Hoàng Thị Tình vay của Nguyễn Thị Q 2.000.000đ sử dụng góp Cng làm bảng vị với Trần Thị Tuyết.

13. Bị cáo PH Văn Cau mang theo 770.000đ cho Lý Văn C vay 100.000đ dùng để đánh bạc. Sau đó C trả lại Cau 100.000đ, Cau dùng 50.000đ trong số tiền này để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn - lẻ và theo bảng vị sau đó bị thua. Khi bị bắt bị thu giữ trên người 710.000đ, trong đó có 50.000đ là tiền cho C vay để đánh bạc, 660.000đ không sử dụng để đánh bạc.

14. Bị cáo Lý Văn Lầu cầm điện thoại vay của Trần Thị Tuyết được 950.000đ mục đích để trả tiền cá giống. Sau đó dùng 950.000đ đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ và bị thua hết.

15. Bị cáo Triệu Văn Đức mang theo 550.000đ, sử dụng 500.000đ đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ nhiều ván, khi thắng đã cho Nguyễn Đức T 200.000đ sau đó bị thua hết. Khi bị bắt, Đức bỏ chạy và mang theo 50.000đ không dùng để đánh bạc.

16. Bị cáo Hà Thị Gây mang theo 495.000đ, sử dụng 460.000đ để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ bị thua hết. Khi bị bắt bị thu giữ 35.000đ không dùng để đánh bạc.

17. Bị cáo PH Văn Nhị mang theo 1.035.000đ, sử dụng 400.000đ để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ bị thua hết 300.000đ. Khi bị bắt thu giữ trên người 735.000đ, trong đó có 100.000đ đang dùng để đánh bạc, 635.000đ không dùng để đánh bạc.

18. Bị cáo PH Văn Sính mang theo 300.000đ, sử dụng 300.000đ để đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ bị thua hết.

19. Bị cáo Nguyễn Đức Tuấn mang theo 600.000đ, sử dụng 100.000đ đánh bạc bằng cách đặt tiền theo cửa chắn, lẻ bị thua. Khi bị bắt thu giữ 500.000đ không dùng để đánh bạc.

Bản án sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lý Văn C, Nguyễn Đức T, Trần Thị Tuyết, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Đình Dương, Triệu Phúc K, Lý Văn Liêu, Lý Văn N, Lý Văn Phấu, Hoàng Văn Hải, Triệu Thị Mấy, Hoàng Thị Tình, Lý Văn Lầu, Triệu Văn Đức, Hà Thị Gây, Nguyễn Đức Tuấn, PH Văn Nhị, PH Văn Cau và PH Văn Sính phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn C 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, khi chấp hành án được trừ đi 07 (bảy) ngày đã bị tạm giữ.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn N 14 (mười bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Phúc K 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, khi chấp hành án được trừ đi 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 14 (mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Dương 14 (mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Hải 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Triệu Thị Mấy 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tình 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn Liều 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lý Văn Phẫu 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn Lầu 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và miễn khâu trừ thu nhập.

+ Xử phạt bị cáo PH Văn Sinh (tên gọi khác Chiến Thiên) 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và miễn khâu trừ thu nhập.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Triệu Văn Đức 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và miễn khâu trừ thu nhập.

+ Xử phạt bị cáo Hà Thị Gây 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và miễn khâu trừ thu nhập.

+ Xử phạt bị cáo PH Văn Nhị 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và miễn khâu trừ thu nhập.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Tuấn 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và miễn khâu trừ thu nhập.

+ Xử phạt bị cáo PH Văn Cau 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và miễn khâu trừ thu nhập.

Ngày 25/01/2021, bị cáo Lý Văn C và bị cáo Triệu Phúc K kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 03/02/2021, bị cáo Lý Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn N, Triệu Phúc K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Triệu Phúc K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo Triệu Phúc K được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về vấn đề này. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 20 giờ tối ngày 07/8/2020, Lý Văn C và Triệu Phúc K bàn bạc về việc rủ một số đối tượng khác đến nhà C để thực hiện hành vi đánh bạc. Khoảng 21 giờ ngày 07/8/2020, một nhóm các đối tượng có mặt ở nhà Lý Văn C để đánh bạc theo hình thức xóc đĩa, trong đó Lý Văn C, Lý Văn N và Triệu Phúc Kính đều trực tiếp tham gia đánh bạc. Khoảng 23 giờ cùng ngày tại nhà của Lý Văn C, cơ quan công an huyện B bắt quả tang nhóm đối tượng trên về hành vi đánh bạc, thu giữ trên chiếu bạc 18.892.000 đồng và một số đồ vật, tài sản của các đối tượng có liên quan đến hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung là *“Tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc trị giá từ 5.000.000 đến dưới 50.000.000 đồng”*. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn N, Triệu Phúc K và các bị cáo khác về tội *“Đánh bạc”* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lý Văn C là người bảo Triệu Phúc K rủ các bị cáo khác đến nhà C đánh bạc. Lý Văn C cho các bị cáo mượn nhà để thực hiện hành vi đánh bạc và bản thân bị cáo cũng trực tiếp tham gia đánh bạc nên bị cáo Lý Văn C phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Triệu Phúc K là người nảy sinh ý định đánh bạc, khi Lý Văn C rủ thì

tiếp nhận ý chí của C và rủ rê những người khác đến nhà C đánh bạc, nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Lý Văn N trực tiếp tham gia đánh bạc tại nhà Lý Văn C nên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Trước khi phạm tội, các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn N và Triệu Phúc K là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng các bị cáo Lý Văn C và Lý Văn N, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú tại cơ quan công an nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhân thân của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn N, Triệu Phúc K.

Quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Triệu Phúc K xuất trình thêm tài liệu chứng cứ, bị cáo được UBND xã Tân Thượng, huyện B tặng thưởng giấy khen vì đã có thành tích hiến đất làm đường giao thông nông thôn mới năm 2019 và được UBND huyện B tặng thưởng giấy khen vì đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh năm 2009. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo Triệu Phúc K có nhân thân tốt, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm Cng, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo Triệu Phúc K về việc xin hưởng án treo là có căn cứ cần được chấp nhận.

Bị cáo Lý Văn C và Lý Văn N, trong quá trình xét xử phúc thẩm không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo Lý Văn N đã bỏ trốn sang Trung Quốc, vi phạm quy định về xuất, nhập cảnh. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Văn C về việc xin hưởng án treo và kháng cáo của bị cáo Lý Văn N về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Kháng cáo của các bị cáo Lý Văn C và Lý Văn N không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo Triệu Phúc K được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:
Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Tuyên bố các bị cáo Lý Văn C (tên gọi khác Lý Văn H), Lý Văn N phạm tội “Đánh bạc”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn C 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ 07 (bảy) ngày đã bị tạm giữ.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn N 14 (mười bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Triệu Phúc K, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần hình phạt đối với bị cáo như sau:

Tuyên bố các bị cáo Triệu Phúc K phạm tội “Đánh bạc”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Phúc K 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Triệu Phúc K cho Ủy ban nhân dân xã Tân Thượng, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự;

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lý Văn C, Lý Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS CA H. B;
- CQCSĐT CA H. B;
- TAND H. B;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long